

# Bảng phí CEBU BLUE OCEAN 2025

## Học phí ĐVT: 4 tuần - US DOLLAR

Khóa học	Học phí	Lớp 1-1	Lớp 4-1	Tùy chọn
<b>Phí đăng ký</b>	<b>100</b>			
Light ESL	870	4		2
Intensive ESL ★	970	5	2	2
Power ESL5	930	5		2
Power ESL7	1.170	7		2
Survival ESL ★	1.050	4	2	2
Business ★	1.200	5	2	2
TOEIC	1.050	5	2	2
IELTS	1.130	5	2	2
<b>Khóa Trẻ em</b>	<b>1.500</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
<b>Phụ huynh (kèm) 3H</b>	<b>750</b>	<b>3</b>		<b>2</b>

## Phí KTX + bữa ăn

Loại phòng	Phí phòng
P. đơn (view Biển)	1.550
P. đơn (TP)	1.350
P. đôi (view Biển) ✓	1.120
P. đôi (view TP)	900
P. ba (view Biển) ✓	850
<b>OCEAN SUITES - Khách sạn</b> ★★★★	
P. đơn Premium (view Biển)	1.600
P. đơn Deluxe (view nội khu)	1.400
P. đơn Superior (view nội khu)	1.250

## Bảng chi phí địa phương

Thanh toán Philippines PESO	2 tuần	4 tuần	8 tuần	12 tuần	16 tuần	20 tuần	24 tuần
Giấy phép SSP	<b>7.800</b>	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
Thẻ I-Card (SSP)	<b>4.500</b>	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
Thẻ ACR (59 ngày)	<b>4.000</b>			4.000	4.000	4.000	4.000
Phí bảo trì	<b>2.000</b>	1.000	2.000	4.000	6.000	8.000	10.000
Gia hạn visa 1	<b>5.140</b>			5.140			
Gia hạn visa 2	<b>11.550</b>				11.550		
Gia hạn visa 3	<b>15.990</b>					15.990	
Gia hạn visa 4	<b>20.430</b>						20.430
Gia hạn visa 5	<b>24.870</b>						24.870
Thẻ ID học viên	<b>300</b>	300	300	300	300	300	300
Sách	<b>1.500</b>	1.500	1.500	3.000	4.500	6.000	7.500
Đón sân bay	<b>1.200</b>	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200
***Phí tạm ứng	<b>4.000</b>	2.000	4.000	8.000	12.000	16.000	20.000
<b>TỔNG (ước tính)</b>	<b>18.300</b>	<b>21.300</b>	<b>33.940</b>	<b>81.850</b>	<b>63.790</b>	<b>75.730</b>	<b>87.670</b>

## Các dịch vụ khác

***Phí tạm ứng	Chi tiết (hoàn trả phần dư khi tốt nghiệp)
Sách	<b>1.500</b> 1.100 Php (Light ESL) --/-- 1.500 Php (ESL, Business, TOEIC, Junior) --/-- 2.500 Php (IELTS)
Giặt ủi	<b>200</b> tối đa 7kg/ lần ---/---
Lớp tùy chọn	<b>300</b> / lớp trong 2 tuần.
Điện / nước	<b>1.500</b> tính dựa theo số lượng tiêu thụ thực tế ( <b>25 Php/ kwh</b> --/-- <b>140 Php/m3</b> )

Thêm lớp	<b>6.500</b> 7.500 Php (lớp 1-1 - ESL) / 8.500 Php (lớp 1-1 TOEIC/TOS, IELTS) / 3.500 Php (lớp nhóm 4-1)
Đón sân bay	<b>1.500</b> 1.500 Php (đón trước 10h thứ 7 và sau 2h chiều CN) ---/--- 1.200 Php (theo lịch trường)
Ở thêm 1 ngày	<b>1.500</b> 1.500 Php (phòng 3) / 2.000 Php (phòng đôi) / 2.500 Php (phòng đơn)